

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100106112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 13 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Võ Thanh Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trường Linh	Thành viên
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên
Ông Lý Xuân Trung	Thành viên
Ông Sứ Mạnh Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lý Xuân Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Thế Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Sứ Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đinh Nguyên Hoa	Trưởng ban
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên
Bà Công Thị Chung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2024

Số: 140324.011/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam được lập ngày 14 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. Kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 83/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV2 vào ngày 27 tháng 02 năm 2023.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		79.521.776.315	109.775.060.765
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.755.847.536	12.976.176.713
111	1. Tiền		9.155.847.536	7.976.176.713
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.600.000.000	5.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	24.320.000.000	33.400.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		24.320.000.000	33.400.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		30.357.252.618	43.806.854.862
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	34.009.443.132	47.222.189.770
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		515.188.320	672.548.320
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	461.660.405	1.667.523.014
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.629.039.239)	(5.755.406.242)
140	IV. Hàng tồn kho	8	11.576.822.163	18.772.540.643
141	1. Hàng tồn kho		11.576.822.163	18.772.540.643
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		511.853.998	819.488.547
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	511.853.998	819.488.547
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.640.768.553	4.990.324.221
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		198.920.000	252.762.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	198.920.000	252.762.000
220	II. Tài sản cố định		1.881.297.408	2.836.568.892
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	817.964.075	1.234.472.225
222	- Nguyên giá		9.297.151.280	9.478.964.371
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.479.187.205)	(8.244.492.146)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.063.333.333	1.602.096.667
228	- Nguyên giá		2.904.739.100	3.771.224.016
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.841.405.767)	(2.169.127.349)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	575.000.000	375.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		375.000.000	375.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		200.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		985.551.145	1.525.993.329
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	985.551.145	1.525.993.329
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		83.162.544.868	114.765.384.986

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Nhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

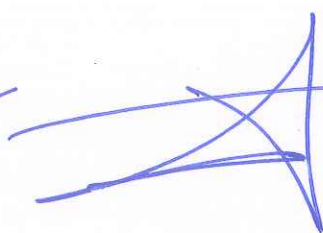
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		56.325.700.913	86.655.320.054
310	I. Nợ ngắn hạn		56.325.700.913	86.535.320.054
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.638.364.541	2.426.102.541
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	24.667.925.915	45.911.194.808
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.324.433.611	1.335.610.078
314	4. Phải trả người lao động		8.000.949.226	10.707.241.832
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	5.193.693.796	20.563.261.698
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	14.161.743.556	5.640.675.679
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.338.590.268	(48.766.582)
330	II. Nợ dài hạn		-	120.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	-	120.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.836.843.955	28.110.064.932
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	26.836.843.955	28.110.064.932
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		8.800.000.000	8.800.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.800.000.000	8.800.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		13.512.657.765	13.512.657.765
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		132.232.228	132.232.228
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.391.953.962	5.665.174.939
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		335.093.446	27.611.506
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.056.860.516	5.637.563.433
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		83.162.544.868	114.765.384.986




Đỗ Văn Đức
Người lập



Đỗ Mạnh Hùng
Kế toán trưởng




Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	99.822.733.002	139.429.647.196
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		99.822.733.002	139.429.647.196
11	4. Giá vốn hàng bán	20	75.549.643.033	104.209.877.554
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.273.089.969	35.219.769.642
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.555.782.911	1.893.688.526
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	21.820.488.293	29.124.192.635
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.008.384.587	7.989.265.533
31	12. Thu nhập khác	23	1.200.000.000	245.071.549
32	13. Chi phí khác	24	114.263.735	972.885.190
40	14. Lợi nhuận khác		1.085.736.265	(727.813.641)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.094.120.852	7.261.451.892
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	1.037.260.336	1.623.888.459
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.056.860.516</u>	<u>5.637.563.433</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		4.056.860.516	5.637.563.433
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	4.610	6.406

Đỗ Văn Đức
Người lậpĐỗ Mạnh Hùng
Kế toán trưởngTrần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.094.120.852	7.261.451.892
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		992.635.120	690.132.232
03	- Các khoản dự phòng		(1.126.367.003)	1.196.621.759
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(7.178.503)	(21.352.437)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.548.604.408)	(1.872.336.089)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.404.606.058	7.254.517.357
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		14.956.409.432	(23.643.995.539)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		7.195.718.480	(2.138.721.069)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(31.969.757.165)	4.473.820.983
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		540.442.184	191.429.624
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(803.442.798)	(1.591.055.905)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.302.724.643)	(2.385.749.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.978.748.452)	(17.839.753.549)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(37.363.636)	(2.016.709.091)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.520.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		23.400.000.000	600.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.548.604.408	1.872.336.089
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		10.391.240.772	455.626.998
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.640.000.000)	(1.760.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.640.000.000)	(1.760.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(227.507.680)	(19.144.126.551)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.976.176.713	32.098.950.827
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		7.178.503	21.352.437
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>12.755.847.536</u>	<u>12.976.176.713</u>





Đỗ Văn Đức
Người lập

Đỗ Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100106112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 13 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 8.800.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 8.800.000.000 đồng; tương đương 880.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 292 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 286 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ tư vấn xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Tư vấn đầu tư xây dựng (lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, đấu thầu) công trình đường dây và trạm biến áp có quy mô cấp điện áp đến 35KV; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Kiểm định, kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng;
- Thiết kế và thi công trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đấu thầu;
- Quản lý dự án, giám sát kỹ thuật xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tổng thầu tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế quy hoạch chi tiết các khu dân cư, khu chức năng đô thị và khu công nghiệp;
- Khảo sát địa hình và khảo sát địa chất đo đạc các công trình xây dựng;
- Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị và bảo vệ môi trường.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 1
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 2
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 3
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 4
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cơ điện số 1
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cơ điện số 2
- Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Quản lý dự án và Giám sát xây dựng số 1
- Trung tâm Tư vấn Quản lý dự án và Giám sát xây dựng số 2
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế nước và Hạ tầng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế cấp thoát nước
- Trung tâm Tư vấn kinh tế xây dựng

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây Dựng Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Dịch vụ tư vấn xây dựng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí trả trước của Công ty là công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí trích trước tạm tính giá vốn...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là dịch vụ tư vấn xây dựng và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	485.775.344	731.232.286
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.670.072.192	7.244.944.427
Các khoản tương đương tiền	3.600.000.000	5.000.000.000
	<u>12.755.847.536</u>	<u>12.976.176.713</u>

Tại ngày 31/12/2023, khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, với giá trị 3.000.000.000 VND, lãi suất 3,75%/năm và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn, với giá trị 600.000.000 VND với lãi suất 2,9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	24.320.000.000	-	33.400.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	24.320.000.000	-	33.400.000.000	-
Đầu tư dài hạn	200.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	200.000.000	-	-	-
	24.520.000.000	-	33.400.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2023, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 24.320.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 3,6%/năm đến 8,5%/năm.

(**) Tại ngày 31/12/2023, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc 24 tháng có giá trị 200.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn với lãi suất 4,5%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama (Lilamaland)	375.000.000	-	375.000.000	-
	375.000.000	-	375.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin khoản đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama (Lilamaland)	Hà Nội	0,36%	0,36%	Kinh doanh bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Nhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	<i>34.009.443.132</i>	<i>(4.629.039.239)</i>	<i>47.222.189.770</i>	<i>(5.755.406.242)</i>
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng & Giao thông	298.480.727	(276.590.997)	1.284.925.000	(1.284.925.000)
- Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Phát triển Tây Hà Nội	800	-	4.465.583.986	-
- Phải thu khách hàng khác	33.710.961.605	(4.352.448.242)	41.471.680.784	(4.470.481.242)
	34.009.443.132	(4.629.039.239)	47.222.189.770	(5.755.406.242)

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	220.030.182	-	1.146.934.000	-
Ký cược, ký quỹ	52.000.000	-	-	-
Phải thu thuế TNCN	133.647.742	-	288.094.452	-
Phải thu khác	55.982.481	-	232.494.562	-
	461.660.405	-	1.667.523.014	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	198.920.000	-	252.762.000	-
	198.920.000	-	252.762.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Nhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Ban quản lý dự án số 2 Tổng công ty đầu tư phát triển Nhà và Đô thị Bộ Quốc phòng	1.460.604.021	438.181.206	1.460.604.021	438.181.206
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng & Giao thông	298.480.727	21.889.730	1.284.925.000	-
- Công ty CP Bất động sản AZ	746.416.000	-	746.416.000	-
- Công ty cổ phần Doanh nghiệp Trẻ Hà Nội	775.000.000	-	775.000.000	-
- Các khoản khác	1.996.441.500	187.832.073	1.938.406.576	11.764.149
	5.276.942.248	647.903.009	6.205.351.597	449.945.355

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.576.822.163	-	18.772.540.643	-
	11.576.822.163	-	18.772.540.643	-

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.546.300.174	2.401.498.501	3.531.165.696	9.478.964.371
- Mua trong năm	-	37.363.636	-	37.363.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	(219.176.727)	-	(219.176.727)
Số dư cuối năm	3.546.300.174	2.219.685.410	3.531.165.696	9.297.151.280
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.841.895.741	1.970.549.408	3.432.046.997	8.244.492.146
- Khấu hao trong năm	118.210.006	236.543.081	99.118.699	453.871.786
- Thanh lý, nhượng bán	-	(219.176.727)	-	(219.176.727)
Số dư cuối năm	2.960.105.747	1.987.915.762	3.531.165.696	8.479.187.205
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	704.404.433	430.949.093	99.118.699	1.234.472.225
Tại ngày cuối năm	586.194.427	231.769.648	-	817.964.075

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.091.980.197 VND.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	3.771.224.016
- Thanh lý, nhượng bán	(866.484.916)
Số dư cuối năm	2.904.739.100
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.169.127.349
- Khấu hao trong năm	538.763.334
- Thanh lý, nhượng bán	(866.484.916)
Số dư cuối năm	1.841.405.767
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	1.602.096.667
Tại ngày cuối năm	1.063.333.333
<i>Trong đó:</i>	
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	1.309.739.100 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	915.446.645	1.525.993.329
Chi phí trả trước dài hạn khác	70.104.500	-
	985.551.145	1.525.993.329

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Nhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư thương mại Đức Thịnh	-	-	780.337.800	780.337.800
Công ty TNHH In Dịch vụ Văn phòng và Thương mại	-	-	230.015.700	230.015.700
Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Anh Kiệt	-	-	180.420.102	180.420.102
Trung tâm kinh doanh VNPT Hà Nội	151.465.500	151.465.500	-	-
Công ty TNHH Hải Minh Hà Nội	139.633.578	139.633.578	-	-
Đối tượng khác	1.347.265.463	1.347.265.463	1.235.328.939	1.235.328.939
	1.638.364.541	1.638.364.541	2.426.102.541	2.426.102.541

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex (Vinaconex ITC)	-	2.834.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn Cầu	-	2.086.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư VCI	-	870.000.000
- Trường Đại học Phenikaa	-	412.310.278
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Chăm sóc Phát triển cộng đồng	-	5.775.000.000
- Bệnh viện Phụ sản Trung ương	1.608.328.500	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn MIK Group Việt Nam	2.653.590.034	-
- Đối tượng khác	20.406.007.381	33.933.884.530
	24.667.925.915	45.911.194.808

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM
Nhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	819.488.547	526.023.398	5.595.444.091	4.551.062.948	-	750.915.994
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	278.760.043	1.056.223.972	803.442.798	-	531.541.217
Thuế Thu nhập cá nhân	-	530.826.637	1.118.481.053	2.119.185.288	511.853.998	41.976.400
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	7.350.000	7.350.000	-	-
	819.488.547	1.335.610.078	7.781.499.116	7.485.041.034	511.853.998	1.324.433.611

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Nhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí giao khoán phải trả các Xí nghiệp, Trung tâm, nhà thầu phụ và các nhà cung cấp dịch vụ	5.193.693.796	20.478.261.698
- Chi phí phải trả khác	-	85.000.000
	<u>5.193.693.796</u>	<u>20.563.261.698</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	-	852.108.397
- Trích trước chi phí khoán hợp đồng còn phải trả các Xí nghiệp, Trung tâm nhận khoán	14.147.243.556	4.774.067.282
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.500.000	14.500.000
	<u>14.161.743.556</u>	<u>5.640.675.679</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	120.000.000
	<u>-</u>	<u>120.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM
Nhà CJC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	8.800.000.000	13.512.657.765	132.232.228	5.308.772.094	27.753.662.087					
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.637.563.433	5.637.563.433					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5.281.160.588)	(5.281.160.588)					
Số dư cuối năm trước	8.800.000.000	13.512.657.765	132.232.228	5.665.174.939	28.110.064.932					
Số dư đầu năm nay	8.800.000.000	13.512.657.765	132.232.228	5.665.174.939	28.110.064.932					
Lãi trong năm nay	-	-	-	4.056.860.516	4.056.860.516					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5.330.081.493)	(5.330.081.493)					
Số dư cuối năm nay	8.800.000.000	13.512.657.765	132.232.228	4.391.953.962	26.836.843.955					

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 259/NQ-ĐHCĐ ngày 21/04/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Số tiền
	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.260.887.239
Chi trả cổ tức (bằng 30% vốn điều lệ)	2.640.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Nhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	51	4.488.000.000	51	4.488.000.000
Các cổ đông khác	49	4.312.000.000	49	4.312.000.000
	100	8.800.000.000	100	8.800.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	8.800.000.000	8.800.000.000
- Vốn góp đầu năm	8.800.000.000	8.800.000.000
- Vốn góp cuối năm	8.800.000.000	8.800.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	2.640.000.000	2.640.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.640.000.000	2.640.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(2.640.000.000)	(2.640.000.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(2.640.000.000)	(2.640.000.000)

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	880.000	880.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	880.000	880.000
- Cổ phiếu phổ thông	880.000	880.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	880.000	880.000
- Cổ phiếu phổ thông	880.000	880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.512.657.765	13.512.657.765
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	132.232.228	132.232.228
	13.644.889.993	13.644.889.993

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty đã cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê nhà với bà Phạm Thị Thảo để thuê toàn bộ căn nhà số 46L Khu dân cư Miếu Nổi Phường 3 - Quận Bình Thạnh (Nay đường số 11 Miếu Nổi) - Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích sử dụng là 230,18 m2 trong thời gian kể từ ngày 13/03/2023 đến ngày 13/11/2023 với giá thuê được quy định trong hợp đồng ký kết với đối tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Nhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Ngoại tệ các loại	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	10.645,36	18.448,69

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	99.822.733.002	139.429.647.196
	<u><u>99.822.733.002</u></u>	<u><u>139.429.647.196</u></u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	75.549.643.033	104.209.877.554
	<u><u>75.549.643.033</u></u>	<u><u>104.209.877.554</u></u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.548.604.408	1.872.336.089
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	7.178.503	21.352.437
	<u><u>1.555.782.911</u></u>	<u><u>1.893.688.526</u></u>

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.916.105.423	2.368.365.822
Chi phí nhân công	11.730.405.761	15.190.954.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	879.884.970	549.430.931
Thuế, phí, lệ phí	15.261.280	18.196.394
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(1.126.367.003)	1.196.621.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.184.230.216	1.362.304.901
Chi phí khác bằng tiền	6.220.967.646	8.438.317.974
	<u><u>21.820.488.293</u></u>	<u><u>29.124.192.635</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Nhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	9.886.364
Tiền giải thưởng nhận được	1.200.000.000	215.185.185
Thu nhập khác	-	20.000.000
	1.200.000.000	245.071.549

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí vi phạm hợp đồng kinh tế	80.000.000	666.136.470
Truy thu theo biên bản thanh tra thuế	-	286.748.720
Chi phí khác	34.263.735	20.000.000
	114.263.735	972.885.190

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	858.790.240	1.429.457.520
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	178.470.096	194.430.939
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.037.260.336	1.623.888.459
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	18.963.636	10.714.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	278.760.043	235.213.489
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(803.442.798)	(1.591.055.905)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	531.541.217	278.760.043

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.056.860.516	5.637.563.433
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.056.860.516	5.637.563.433
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	880.000	880.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.610	6.406

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.002.981.226	18.049.496.757
Chi phí nhân công	48.731.941.158	70.972.677.593
Chi phí khấu hao tài sản cố định	992.635.120	690.132.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.683.857.315	37.062.985.768
Chi phí khác bằng tiền	13.889.365.030	18.389.865.480
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(1.126.367.003)	1.196.621.759
	90.174.412.846	146.361.779.589

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.270.072.192	-	-	12.270.072.192
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.842.064.298	198.920.000	-	30.040.984.298
Các khoản cho vay	24.320.000.000	200.000.000	-	24.520.000.000
	66.432.136.490	398.920.000	-	66.831.056.490

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Nhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.244.944.427	-	-	12.244.944.427
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.134.306.542	252.762.000	-	43.387.068.542
Các khoản cho vay	33.400.000.000	-	-	33.400.000.000
	88.779.250.969	252.762.000	-	89.032.012.969

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	15.800.108.097	-	-	15.800.108.097
Chi phí phải trả	5.193.693.796	-	-	5.193.693.796
	20.993.801.893	-	-	20.993.801.893
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.066.778.220	-	-	8.066.778.220
Chi phí phải trả	20.563.261.698	-	-	20.563.261.698
	28.630.039.918	-	-	28.630.039.918

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAMNhà CIC-CDC, 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:


<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Các thành viên HĐQT	Điều hành Công ty
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát	Điều hành Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

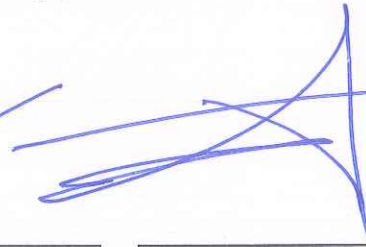
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Bà Võ Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/4/2022)	468.515.814	548.051.004
Ông Trần Bình Trọng	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/4/2022)	-	56.000.000
Ông Nguyễn Trường Linh	Thành viên HĐQT	48.000.000	36.000.000
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	594.970.924	715.212.617
Ông Lý Xuân Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	463.457.172	509.963.814
Ông Sử Mạnh Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	643.034.469	429.364.428
Ông Nguyễn Mạnh Trường	Phó Tổng Giám Đốc	393.600.992	448.593.780
Ông Hà Thế Mạnh	Phó Tổng Giám Đốc	395.292.800	476.502.991
Ông Hoàng Minh Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc	402.234.572	-
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Kế toán trưởng	340.147.594	386.660.719
Bà Đinh Nguyên Hoa	Trưởng ban BKS	342.331.600	390.548.416
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên BKS	467.747.977	419.380.537
Bà Công Thị Chung	Thành viên BKS	165.523.200	186.410.770

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán.



 Đỗ Văn Đức
 Người lập



 Đỗ Mạnh Hùng
 Kế toán trưởng



 Trần Tuấn Anh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2024